

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT**

*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*đã được soát xét*



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	1
<b>BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng tính vốn khả dụng	3 – 5
Bảng tính giá trị rủi ro	6 – 9
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	10

Số: 13-2-008/CPAHANOI/HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT****Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012****Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt được lập ngày 22 tháng 2 năm 2013.

Việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư Thông tư số 165/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo này được lập thành 5 bản, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt giữ 4 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 1 bản.



Hồ Đình Phúc  
Kiểm toán viên  
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2013

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt từ trang 3 đến trang 9 kèm theo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



**Trần Lan Hương**  
Kế toán trưởng

Ngày 22 tháng 2 năm 2013



**Nguyễn Thị Thu**  
Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ



**Đoàn Đức Vịnh**  
Chủ tịch hội đồng quản trị

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	360.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính	3.776.841.496	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.388.420.748	-	-
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(74.988.596.261)	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	76.595.100.203	22.323.162
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>215.603.888.942</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>	-	-	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2.	Trả trước cho người bán	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	-	<b>20.176.714.789</b>	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	42.813.371	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4.1	Tạm ứng	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	20.124.701.418	-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác	-	9.200.000	-
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>20.176.714.789</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

**BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG** (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	<b>910.827.093</b>	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	<b>2.727.087.501</b>	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			<b>3.637.914.594</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A + 1B + 1C</b>				<b>191.789.259.559</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

### A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1	Tiền mặt (VND)	0%	2.873.858.588	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	158.372.967.123	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO** (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

## A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>				<b>7.714.031.570</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	18.019.022.000	1.801.902.200
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	985.755.400	147.863.310
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	2.487.300	497.460
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	11.527.242.000	5.763.621.000
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				<b>-</b>
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				<b>-</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng đình chỉ giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Các tài sản khác</b>				<b>-</b>
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				<b>-</b>
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	VRC	10%	1.117.720.710	111.772.071
2	MSB	10%	497.431.200	49.743.120
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>7.875.399.161</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÁU VIỆT

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO** (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

## B. RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>								<b>9.502.378.027</b>
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	9.502.378.027	-	9.502.378.027
2	Cho vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>								
<b>Thời gian quá hạn</b>								
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			16%				
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			32%				
4	Từ 60 ngày trở đi			48%				
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>								
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>								<b>9.502.378.027</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO** (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

## C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

<b>I</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>44.793.699.047</b>
	<b>Các khoản chi phí trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>18.477.872.207</b>
	1. Chi phí khấu hao	971.529.710
<b>II</b>	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	9.712.886.497
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	7.793.456.000
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>	<b>26.315.826.840</b>
<b>IV</b>	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	6.578.956.710
<b>V</b>	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
	<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>60.000.000.000</b>
	<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>	<b>77.377.777.188</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	7.875.399.161	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	9.502.378.027	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	<b>77.377.777.188</b>	
5	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>191.789.259.559</b>	
6	<b>Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)</b>	<b>248%</b>	

